

TỈNH ỦY LÀO CAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 01-KH/TU

Lào Cai, ngày 01 tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH

hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Kế hoạch hành động chiến lược thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, với những nội dung cơ bản sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW: Bảo đảm toàn đảng bộ và hệ thống chính trị ở địa phương nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, hùng cường của tỉnh và quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao: Giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai có nhận thức đúng đắn, tạo sự đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ

động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Phát huy tiềm năng, lợi thế và nguồn lực tổng hợp sau sáp nhập; kế thừa và nâng cao các kết quả đạt được của hai tỉnh trước đây, đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững và toàn diện.

4. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghiệp gắn với công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,... phù hợp với thực tiễn tại tỉnh Lào Cai.

5. Tạo cơ sở để chỉ đạo, điều phối liên ngành, liên cấp, phân công trách nhiệm cụ thể trong toàn hệ thống chính trị và chính quyền các cấp; đồng thời làm căn cứ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

6. Tạo động lực mới để phát triển tỉnh Lào Cai trở thành Trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc, đồng thời đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

II. YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm: Toàn bộ nội dung Kế hoạch hành động (từ mục tiêu đến giải pháp) phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Lào Cai. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Kế hoạch hành động cần kế thừa có chọn lọc các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...).

2. Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải: Xác định thể chế, cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu, phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của tỉnh Lào Cai trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân

gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

3. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, mang tính chiến lược theo từng giai đoạn, bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể: Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách, vừa có tầm nhìn dài hạn; cần gắn Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với Chiến lược dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của tỉnh. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

4. Đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị: Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với địa phương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở/ban/ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

5. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời: Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; can thiệp bằng các chính sách (trong thẩm quyền) để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình: Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu

tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư,...); sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

7. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội: Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

8. Tập trung, quyết liệt, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi, đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo: Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện. Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Lào Cai; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Lào Cai.

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế tỉnh Lào Cai thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP (Total Factor Productivity - Năng suất các nhân tố tổng hợp) trong tăng trưởng GRDP.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn

trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- Kết hợp giữa công nghệ số, tăng trưởng xanh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí carbon, thích ứng và phòng chống biến đổi khí hậu. Nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) thông qua cải thiện giáo dục, y tế, thu nhập và an sinh xã hội, xây dựng một xã hội thịnh vượng, văn minh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể (Chi tiết tại phụ lục I)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; Ban Chỉ đạo có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung; điều phối hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong toàn tỉnh.

Văn phòng Tỉnh ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; nâng cấp Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin thành phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, trình độ, năng lực đối với đơn vị chuyên trách tham mưu của Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo, có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

Thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo gồm lãnh đạo, chuyên viên các sở, ban, ngành liên quan bảo đảm theo mô hình tổ giúp việc của ban chỉ đạo trung ương. Xây dựng Quy chế hoạt động của Tổ Giúp việc; phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên. Tổ chức họp giao ban định kỳ hàng quý để kiểm tra tiến độ triển khai và tham mưu điều chỉnh kế hoạch thực hiện.

1.2. Ban hành kế hoạch tổng thể và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết

Xây dựng Kế hoạch cấp tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Ban hành hướng dẫn tổ chức thực hiện cho các sở, ban, ngành, địa phương. Phân công rõ trách nhiệm, vai trò của từng sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí. Định kỳ hằng năm rà soát, cập nhật, điều chỉnh nội dung kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn.

1.3. Lồng ghép nội dung Nghị quyết vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tỉnh, kế hoạch 5 năm và hằng năm

Bảo đảm tích hợp đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.4. Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thành phần gồm đại diện lãnh đạo UBND tỉnh, Văn phòng tỉnh ủy, một số sở, ngành; mời các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia. Hội đồng tư vấn cho Ban Chỉ đạo về chiến lược, cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

1.5. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp

Xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Nghị quyết. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, địa phương, gắn với tiến độ và sản phẩm đầu ra. Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Tỉnh ủy. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Nâng cao nhận thức, phổ biến và tuyên truyền Nghị quyết

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan

Triển khai đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, từ cấp tỉnh đến cơ sở, về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết. Lồng ghép nội dung Nghị quyết vào các hội nghị, lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức hội nghị chuyên đề, tọa đàm, diễn đàn khoa học, thi trắc nghiệm trực tuyến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội doanh nghiệp tập trung triển khai sâu rộng công tác tuyên truyền; thực hiện tốt

chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và các ngành chức năng tổ chức thực hiện nghiêm túc hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát về các nội dung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Phát hành tài liệu tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết tới từng cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và người dân

Biên soạn bộ tài liệu hỏi – đáp ngắn gọn về Nghị quyết để phổ biến rộng rãi. Xây dựng các video clip, infographic, tài liệu truyền thông trực quan phục vụ công tác tuyên truyền. Phát hành thông qua nhiều kênh: báo chí, truyền hình, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, các buổi sinh hoạt tổ dân phố, thôn bản.

2.3. Đẩy mạnh công tác truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tổ chức tuyên truyền đa phương tiện, đa cấp, huy động Báo Lào Cai; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các trang thành phần của sở, ngành, tỉnh để đồng loạt phổ biến chủ trương, chính sách và lợi ích thiết thực của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng chuyên mục, chuyên trang “Chuyển đổi số & Đổi mới sáng tạo” trên các ấn phẩm báo chí, truyền hình và website chính thức; cập nhật định kỳ tin tức, phóng sự, tọa đàm chuyên sâu.

Thực hiện các chương trình giáo dục - truyền thông hướng tới thanh thiếu niên, sinh viên. Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu chuyển đổi số” dành cho học sinh, sinh viên và thanh niên; lồng ghép các hoạt động hội thảo - workshop; cuộc thi, sự kiện sáng tạo công nghệ - hackathon về ứng dụng công nghệ trong giải quyết bài toán thực tiễn. Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng xây dựng tài liệu, cẩm nang chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để đưa vào chương trình hoạt động Đoàn - Hội và giáo dục STEM.

Tăng cường truyền thông nội bộ, vận động cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch truyền thông nội bộ: bản tin điện tử, email, bảng tin, hội thảo chuyên đề về ứng dụng công nghệ, cải tiến quy trình, giải pháp chuyển đổi số. Tổ chức tập huấn, tọa đàm chuyên sâu nhằm nâng cao kỹ năng số và tư duy đổi mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện lan tỏa phong trào khởi nghiệp, sáng tạo. Xây dựng bộ nhận diện và bộ tài liệu khuyến khích tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường và tự hào dân tộc; vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai chuỗi chương trình “Ngày hội Sáng tạo & Chuyển đổi số” tại các địa phương trong tỉnh, trao giải và hỗ trợ kết nối nguồn lực cho các ý tưởng, dự án xuất sắc.

Tuyên truyền tôn vinh và khen thưởng kịp thời biểu dương các cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, phát minh dù ở quy mô nhỏ, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh trong cộng đồng.

2.4. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả Bộ công cụ đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cho các nhóm các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

Xây dựng lộ trình ứng dụng nền tảng số, công nghệ số, hình thành công dân số, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh; phấn đấu đến năm 2026, mỗi người dân có đầy đủ các yếu tố để trở thành công dân số. Xây dựng, thực hiện bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng cho cán bộ và người dân tỉnh Lào Cai; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Lào Cai thân thiện, văn minh và có trách nhiệm trên không gian mạng.

Xây dựng các sản phẩm văn hoá số chất lượng cao trên đa nền tảng, số hoá và xây dựng cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực như di sản văn hoá, văn học, nghệ thuật của tỉnh; khuyến khích sản xuất nội dung số phong phú, đa dạng, phản ánh văn hóa dân tộc. Trang bị kiến thức, kỹ năng để người dân tham gia an toàn trên môi trường số, nhất là cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hoá số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số; các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi số.

2.5. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết

Yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về kết quả tổ chức học tập, tuyên truyền Nghị quyết trong đơn vị mình. Đưa kết quả phổ biến, quán triệt Nghị quyết vào tiêu chí đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

Triển khai Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đảm bảo nguồn lực

3.1. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan

Rà soát đồng bộ văn bản: Thành lập tổ công tác liên ngành kiểm tra toàn bộ quy định hiện hành về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để phát hiện chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập. Đề xuất sửa đổi, bổ sung,

ban hành mới trên cơ sở rà soát, soạn thảo trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các nghị quyết, quyết định, thông tư nội bộ để khơi thông nguồn lực và tạo môi trường pháp lý minh bạch, thông thoáng.

Kiến nghị Trung ương hoàn thiện cơ chế chiến lược gửi Bộ KH&CN và các cơ quan trung ương đề xuất bổ sung cơ chế chia sẻ dữ liệu số, ứng dụng AI, cơ chế trong nghiên cứu - ứng dụng công nghệ mới.

Thế chế hóa chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, triển khai đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kế thừa, duy trì và hoàn thiện các chính sách hiệu quả đã áp dụng tại Lào Cai.

Đổi mới cơ chế chính sách quản lý tài chính và thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa tối đa thủ tục giao vốn cho các đề tài, nhiệm vụ khoa học; mở rộng quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí R&D và phát triển công nghệ, đồng thời xây dựng cơ chế kiểm soát, giám sát minh bạch. Cải cách phương thức quản lý nghiên cứu, xây dựng khung đánh giá phân loại nhiệm vụ khoa học theo tính chất, quy mô; áp dụng cơ chế đặt hàng, đấu thầu và giao quyền tự chủ cho tổ chức, cá nhân chủ trì nghiên cứu.

3.2. Ban hành các chính sách đặc thù, đột phá để thu hút nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế - đất đai, các quy định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm giá đất, hỗ trợ tín dụng lãi suất thấp cho doanh nghiệp công nghệ số, startup khoa học - công nghệ.

Nghiên cứu chính sách cho quỹ đầu tư mạo hiểm và voucher đổi mới: Thành lập Quỹ Khởi nghiệp sáng tạo, Quỹ ươm tạo công nghệ và áp dụng voucher đổi mới cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp tác R&D.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế thí điểm sáng tạo: Cho phép thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có giám sát của Nhà nước; miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thiệt hại do yếu tố khách quan.

Hoàn thiện chính sách đãi ngộ chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ chuyên gia, trí thức trong lĩnh vực công nghệ, dữ liệu và chuyển đổi số về công tác tại tỉnh, bao gồm cơ chế thuê, thù lao và ưu đãi về nhà ở, thuế thu nhập.

Nghiên cứu cơ chế tự chủ và hợp tác cho tổ chức Khoa học và công nghệ: Giao quyền tự chủ về tổ chức, tài chính, chuyên môn cho các trường, trung tâm công lập; cho phép sử dụng ngân sách thuê chuyên gia, tài sản trí tuệ để liên kết với doanh nghiệp. Khuyến khích tham gia doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu:

Cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập, tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên sở hữu trí tuệ và kết quả nghiên cứu.

Nghiên cứu để cơ cấu lại ngân sách cho khoa học - công nghệ theo cơ chế quỹ, bảo đảm tập trung nguồn lực cho lĩnh vực trọng điểm, không dàn trải.

3.3. Thành lập và vận hành các Quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Rà soát, nâng cấp Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh; mở rộng phạm vi hỗ trợ sang các lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo, phát triển nền tảng số. Tăng cường huy động nguồn lực từ xã hội hóa, hợp tác quốc tế, tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ để làm giàu nguồn lực quỹ. Thí điểm cơ chế tài chính linh hoạt trong hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo theo mô hình “đặt hàng - đối ứng - đồng tài trợ”.

3.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận các chính sách và nguồn lực phát triển

Cắt giảm thủ tục không cần thiết, công khai, minh bạch quy trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đầu tư công nghệ. Ứng dụng công nghệ số vào quản lý hồ sơ hỗ trợ, kết nối dữ liệu giữa các đơn vị có liên quan. Hỗ trợ trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục xin tài trợ, xin ưu đãi, đăng ký đề tài, dự án...

4. Thúc đẩy phong trào sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số

4.1. Tổ chức các phong trào thi đua sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị và xã hội

Phát động phong trào thi đua học tập và ứng dụng công nghệ trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và trường học. Triển khai các chương trình: “Công dân số” nhằm khuyến khích người dân sử dụng các công cụ số trong cuộc sống và công việc; “Đổi mới sáng tạo trong công việc” nhằm kêu gọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động áp dụng công nghệ để cải tiến quy trình, nâng cao hiệu suất làm việc; “Doanh nghiệp tiên phong chuyển đổi số” nhằm khen thưởng các doanh nghiệp đi đầu trong ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng trưởng kinh tế số.

Mỗi cơ quan, tổ chức đăng ký các sáng kiến cải tiến, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Mỗi đảng viên thực hiện đăng ký nêu gương có nội dung về ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các thôn, tổ dân phố thi đua trở thành mô hình điển hình về chuyển đổi số trong quản lý cộng đồng.

Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lào Cai nhằm phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho người dân, đặc biệt là các nhóm đối tượng yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Lồng ghép các nội dung đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào các phong trào thi đua yêu nước, phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Xây dựng cơ chế biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4.2. Khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân

Thí điểm thực hiện cơ chế khuyến khích đề xuất sáng kiến tại các cơ quan hành chính nhà nước. Giao quyền chủ động triển khai các mô hình đổi mới sáng tạo trong phạm vi chuyên môn cho người đứng đầu các sở, ngành, địa phương. Hỗ trợ kết nối ý tưởng sáng tạo giữa cá nhân, nhóm nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức tài chính, đầu tư.

4.3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ các mô hình tiêu biểu trong nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và đời sống. Hằng năm tổ chức tổng kết, bình chọn các mô hình sáng tạo tiêu biểu để tuyên truyền, phổ biến nhân rộng. Xây dựng thư viện số về các mô hình, sáng kiến điển hình trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

4.4. Thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo

Thực hiện truyền thông, vận động và phong trào khởi nghiệp: Triển khai chiến dịch truyền thông đa kênh (báo, đài, mạng xã hội), tổ chức hội thảo, tọa đàm, diễn đàn chuyên đề và cuộc thi “Tìm hiểu khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” dành cho thanh niên, học sinh, sinh viên. Phát động “Ngày hội Khởi nghiệp tỉnh Lào Cai” và tọa đàm thường niên giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nhân trẻ, khơi dậy tinh thần tự chủ, sáng tạo và tự hào dân tộc. Huy động Tỉnh đoàn, Đoàn TNCS, Hội LHTN và các tổ chức chính trị-xã hội tham gia vận động, giám sát và hỗ trợ thanh niên lập nghiệp.

Tiếp tục Hoàn thiện cơ chế, chính sách và thủ tục: Rà soát, sửa đổi chính sách ưu đãi thuế, đất đai; ban hành voucher đổi mới hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp tác R&D; đơn giản hóa thủ tục đăng ký, cấp phép. Thiết lập “one-stop-shop” khởi nghiệp trên cổng thông tin điện tử duy nhất, tích hợp mọi hướng dẫn pháp lý, thủ tục, nguồn vốn và hỗ trợ pháp lý.

Hoàn thiện cơ chế tài chính và quỹ hỗ trợ: Nghiên cứu thành lập Quỹ Khởi nghiệp sáng tạo (Seed Fund) và Quỹ Bảo lãnh tín dụng với nguồn vốn ưu đãi (lãi suất thấp, thời hạn hoàn vốn linh hoạt). Nghiên cứu cấp vốn mỗi 200 - 500 triệu đồng cho dự án khởi nghiệp xuất sắc, kèm cơ chế mentor (cố vấn) và sử dụng không gian lab miễn phí.

Phát triển hệ sinh thái ươm tạo: Thiết lập vườn ươm liên kết Đại Học Thái Nguyên, Cao đẳng Lào Cai; xây dựng ít nhất 2 makerspace (không gian sáng tạo) tại Lào Cai, trang bị phòng lab AI, IoT, in 3D... Tổ chức 4 chương trình ươm tạo/năm để hỗ trợ ý tưởng đến giai đoạn thương mại hóa.

Xây dựng mạng lưới cố vấn và kết nối đầu tư: Xây dựng mạng lưới 30 mentors (cố vấn) học thuật và doanh nhân, kết nối startup với quỹ đầu tư trong nước & quốc tế. Nghiên cứu tổ chức “Venture Pitch” (các sân chơi mạo hiểm) định kỳ để doanh nghiệp trình bày ý tưởng, huy động vốn mạo hiểm.

Đào tạo, nâng cao năng lực nguồn nhân lực: Nghiên cứu đưa chương trình STEM, quản trị doanh nghiệp, pháp lý, marketing vào giảng đường phổ thông và đại học; nghiên cứu cấp các suất học bổng STEM cho THPT Chuyên. Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số, DevOps (Development & Operations - Phát triển & vận hành), AI, Big Data cho 500 cán bộ và người lao động/năm.

Thực hiện kết nối nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thị trường: Thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp để tiếp nhận công nghệ, phát triển sản phẩm ứng dụng; hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Hỗ trợ mở rộng thị trường thông qua chương trình OCOP, liên kết chuỗi giá trị và xúc tiến thương mại trong - ngoài nước.

Tổ chức giám sát, đánh giá, KPI và tôn vinh: Nghiên cứu thiết lập bộ KPI gồm số doanh nghiệp KH&CN thành lập, vốn đầu tư, số dự án thương mại hóa; cập nhật dashboard real-time (bảng theo dõi thời gian thực) cho lãnh đạo. Đánh giá tác động 6 tháng/lần, điều chỉnh kịp thời; tổ chức biểu dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có sáng kiến dù nhỏ nhất để khích lệ sáng tạo.

5. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

5.1. Xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại, an toàn và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số

Phủ sóng mạng di động 5G tiến tới 6G trên địa bàn toàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ tại các khu vực đô thị, du lịch, khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Nâng cấp hệ thống cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, bảo đảm kết nối an toàn, ổn định tại các vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai thí điểm dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. Tích hợp cảm biến và công nghệ IoT vào các công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, và quản lý môi trường.

Nghiên cứu việc đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tập trung cấp tỉnh, đủ năng lực tích hợp, lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu quy mô lớn; từng bước đầu tư hệ thống tính toán hiệu năng cao (HPC) phục vụ nhu cầu phân tích, mô phỏng, dự báo trong khoa học, công nghệ và quản lý điều hành. Từng bước triển khai nền tảng điện toán đám mây dùng chung cấp tỉnh, kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên

ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia và nền tảng điều hành Trung ương. Kết nối và chia sẻ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5.2. Hình thành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu lớn (big data) để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Xây dựng hệ thống dữ liệu số dùng chung đồng bộ, minh bạch, bảo đảm kết nối giữa các cơ quan, tổ chức và cộng đồng. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng dữ liệu để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu trong môi trường số hóa toàn diện.

Kết nối cơ sở dữ liệu của tỉnh với các cơ sở dữ liệu ngành và trung ương. Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu lớn trong toàn bộ hệ thống chính trị, ưu tiên các lĩnh vực trọng yếu như nông nghiệp, du lịch, giao thông, môi trường, đô thị, an ninh trật tự.

Ứng dụng công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), nhận diện khuôn mặt, và blockchain để tự động hóa quy trình thông quan hàng hóa. Phát triển nền tảng số kết nối các cơ quan hải quan, doanh nghiệp logistics, và các bên liên quan nhằm giảm thời gian và chi phí thủ tục. Triển khai hệ thống giám sát thời gian thực tại cửa khẩu, quản lý lưu lượng phương tiện, và tối ưu hóa hoạt động thương mại qua biên giới.

5.3. Xây dựng và vận hành các đô thị thông minh tại các trung tâm kinh tế, hành chính của tỉnh

Triển khai hệ thống giám sát và điều hành đô thị thông minh, tích hợp công nghệ IoT và AI. Ứng dụng công nghệ số để quản lý giao thông, an ninh trật tự và cung cấp dịch vụ công tại đô thị. Xây dựng nền tảng số phục vụ các dịch vụ đô thị như quản lý năng lượng, nước, và chất thải. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các khu đô thị trọng điểm Lào Cai, Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Hà, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Mậu A, đô thị khu vực cảng hàng không Sa Pa, Bát Xát, khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

5.4. Nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tại tỉnh

Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm khu vực tại Lào Cai, tập trung vào các lĩnh vực hỗ trợ phát triển thế mạnh kinh tế - xã hội của tỉnh như: công nghệ sinh học, công nghệ xanh, các ứng dụng công nghệ quản lý tài nguyên môi trường, công nghệ sản xuất chế biến nông sản, lâm sản... Xây dựng trung tâm nghiên cứu và thực nghiệm phương thức giáo dục tiên tiến tại trường THPT Chuyên, các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh; Hình thành các khu nghiên cứu và trải nghiệm khoa học cho học sinh, sinh viên tại các trường chuyên

nghiệp và trường trọng điểm. Tăng cường hợp tác công tư trong việc xây dựng và vận hành các trung tâm nghiên cứu.

Phát triển Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành địa chỉ tin cậy tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mạnh mẽ tại tỉnh Lào Cai phấn đấu thành trung tâm vùng. Trung tâm hoạt động theo cơ chế đặt hàng, tự chủ 100% chi thường xuyên theo quy định.

Phát triển Trung tâm Công nghệ thông tin trở thành đơn vị chủ lực về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đủ năng lực ứng dụng, triển khai, từng bước làm chủ công nghệ số, nền tảng số, hạ tầng số; làm đầu mối điều phối, giám sát, thu thập dữ liệu, cung cấp thông tin hỗ trợ điều hành của các cấp chính quyền; kết nối chính quyền với người dân; hỗ trợ, phục vụ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ số; triển khai nền tảng số tới người dân doanh nghiệp góp phần thực hiện thành công cuộc cách mạng về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

5.5. Tăng cường hiệu quả quản lý và khai thác tối đa nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Xây dựng và hình thành các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học, công nghệ, vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

6. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

6.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh

Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm gắn với thế mạnh địa phương, thiết lập phòng thí nghiệm công nghệ sinh học ứng dụng vào dược liệu, nông nghiệp cao; phòng thí nghiệm công nghệ xanh cho chế biến nông sản, khoáng sản; phòng thí nghiệm công nghệ thông minh phục vụ logistics và du lịch thông minh.

Nghiên cứu cung cấp không gian làm việc chung, phòng lab IoT, AI, in 3D; hỗ trợ tư vấn, tài chính môi (seed fund) để ươm tạo khởi nghiệp mang tính đặc thù vùng cao và biên giới.

Nghiên cứu xây dựng các trung tâm STEM và phòng thực nghiệm hiện đại tại trường THPT Chuyên, các trường đại học và cao đẳng để giảng dạy, nghiên cứu mô hình nông nghiệp thông minh, bảo tồn văn hóa dân tộc, chuyển đổi số.

Tổ chức các “Khu vườn khoa học” và “Maker Space” (không gian sáng tạo) di động tại các địa phương phù hợp để khuyến khích tổ chức các cuộc thi STEM, robotics, hackathon... ngay tại trường và cộng đồng địa phương.

6.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

Xây dựng các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học, công nghệ và vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ.

Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xây dựng phát triển các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ tại tỉnh, đồng thời khuyến khích hợp tác công - tư trong lĩnh vực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

6.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu

Định hướng các đề tài công nghệ cao gắn với nông nghiệp vùng cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế và giáo dục; chỉ cấp kinh phí cho những nhiệm vụ có khả năng ứng dụng nhanh, tác động lớn.

Ứng dụng IoT, AI, GIS cho quản trị và giám sát, triển khai mô hình “nông nghiệp thông minh” sử dụng cảm biến (IoT) và bản đồ số (GIS) để tối ưu tưới tiêu, cảnh báo sâu bệnh; áp dụng AI trong giám sát chất lượng môi trường và dự báo thiên tai.

Xây dựng mô hình “Site Lab” (phòng thí nghiệm hiện trường) tại vùng khảo nghiệm cây trồng, khu bảo tồn thiên nhiên, kết hợp đào tạo thực hành cho sinh viên, cán bộ kỹ thuật.

Mở rộng hợp tác và chuyển giao tri thức, liên kết với Đại học Thái Nguyên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Nghiên cứu, tổ chức quốc tế... để triển khai các chương trình trao đổi nghiên cứu, hội thảo khoa học và đề án hợp tác.

Thúc đẩy công bố khoa học và bảo hộ sở hữu trí tuệ, khuyến khích công bố trên tạp chí Scopus/ISI; hỗ trợ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu cho sản phẩm công nghệ do địa phương phát triển.

7. Xây dựng chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

7.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khảo sát và lập danh mục nhân lực ưu tiên cho nông nghiệp thông minh, du lịch - logistics biên mậu, bảo tồn đa dạng sinh học, công nghệ khoáng sản và một số lĩnh vực trọng tâm của tỉnh; làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo và chính sách đãi ngộ riêng.

Hợp tác với các trường Đại học, các viện nghiên cứu thiết kế khóa học về IoT, AI, Big Data; thực tập tại vườn ươm công nghệ và các doanh nghiệp địa phương.

Thiết lập “Phòng STEM di động” và cuộc thi robotics, sáng kiến xanh liên trường THPT trong toàn tỉnh; nghiên cứu trao các học bổng STEM và học bổng nghiên cứu khoa học cho sinh viên đổi mới sáng tạo.

Nghiên cứu cấp học bổng sau đại học và hỗ trợ nghiên cứu (thường công bố Scopus/ISI); ưu đãi lương, nhà ở và cơ chế hợp đồng dài hạn cho chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu viên về công tác tại tỉnh.

Tổ chức khảo sát, đánh giá đề xuất nghiên cứu xây dựng “Diễn đàn Kiến thức Lào Cai” kết nối chuyên gia trong nước, kiều bào và doanh nhân, tổ chức định kỳ hội thảo, mentoring circle (vòng cố vấn - mô hình phát triển cá nhân, nghề nghiệp dựa trên hình thức cố vấn nhóm) để chuyển giao công nghệ và hướng dẫn dự án cải tiến.

Khuyến khích văn hóa học tập liên tục, phát triển “Tủ sách số Lào Cai” bao gồm tài liệu chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ đăng ký khóa học quốc tế, tích hợp MOOC (Massive Open Online Courses - Các khóa học trực tuyến mở rộng rãi) vào chương trình bồi dưỡng.

Tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình định kỳ, thiết lập KPI về số cán bộ qua đào tạo, số dự án nghiên cứu khoa học triển khai, tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng giải pháp số; đánh giá 6 tháng/lần để điều chỉnh nội dung, phương pháp đào tạo cho phù hợp thực tiễn.

7.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng các chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số cho lãnh đạo các cấp, tổ chức các lớp tập huấn định kỳ nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật số. Tích hợp nội dung chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo vào chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ, liên kết với doanh nghiệp công nghệ và tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia và tạo cơ hội du học, thực tập cho cán bộ.

Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản lý dữ liệu, quản trị số và an ninh mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức. Phát triển các trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chuyên về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, xây dựng mạng lưới cán bộ chuyên trách có năng lực và trách nhiệm cao trong quản lý, điều hành các nhiệm vụ liên quan đến khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

7.3. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề của tỉnh

Xác định ngành đào tạo trọng điểm, thiết kế và thí điểm các chuyên ngành công nghệ cao phù hợp thế mạnh địa phương (AI ứng dụng trong nông nghiệp, blockchain cho chuỗi cung ứng hàng biên mậu, IoT - Logistics, công nghệ xanh).

Thí điểm mời doanh nghiệp công nghệ, startup địa phương tham gia xây dựng chương trình, cung cấp thực tập, đặt hàng đề tài, chuyển giao công nghệ vào giảng dạy và thực hành.

Nghiên cứu trang bị phòng thí nghiệm ảo (virtual lab), hệ thống học liệu số, nền tảng e-learning để sinh viên tiếp cận công nghệ sớm; triển khai thực tế ảo (VR/AR) trong giảng dạy kỹ thuật.

Khuyến khích nghiên cứu và khởi nghiệp trong nhà trường, thành lập quỹ cấp đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nghiên cứu tổ chức cuộc thi sáng tạo “Lào Cai Innovators”; hỗ trợ ươm tạo các dự án khởi nghiệp ngay tại giảng đường.

Bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, tổ chức tập huấn về phương pháp STEM, dạy học tích hợp công nghệ, cho giảng viên; cập nhật liên tục nội dung, phương pháp dạy học mới để nâng cao chất lượng đào tạo.

7.4. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước để đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo. Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên tham gia thực tập, nghiên cứu tại các doanh nghiệp, đồng thời mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên.

7.5. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Tăng cường kết nối liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo ra hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

7.6. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia

Nghiên cứu thiết lập cơ chế giao nhiệm vụ trọng điểm cho chuyên gia đầu ngành, Áp dụng mô hình “tổng công trình sư” giao chuyên gia trong và ngoài nước trực tiếp chủ trì, điều hành các nhiệm vụ khoa học - công nghệ và chuyển đổi số có tính chiến lược tại tỉnh. Cho phép ký kết hợp đồng linh hoạt, thí điểm, gắn trách nhiệm với quyền chủ động chuyên môn, đồng thời có cơ chế miễn trừ rủi ro khi triển khai thử nghiệm công nghệ mới.

Kết nối đội ngũ trí thức người Lào Cai ở trung ương, các viện nghiên cứu, trường đại học và cộng đồng trí thức kiều bào. Tổ chức định kỳ diễn đàn chuyên

gia - chính quyền, tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên gia trên nền tảng số để sẵn sàng huy động theo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Bổ trí, bổ sung hợp lý cán bộ có chuyên môn về khoa học - công nghệ, dữ liệu, chuyển đổi số vào các vị trí trong cấp ủy, chính quyền các cấp để tăng cường năng lực lãnh đạo chuyên sâu theo lĩnh vực. Xây dựng cơ chế đánh giá, giao nhiệm vụ phù hợp nhằm khơi dậy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tập trung khai thác, sử dụng đúng và trúng đội ngũ đã được đào tạo chuyên sâu, có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ, khoa học công nghệ để triển khai các dự án có tính ứng dụng cao tại tỉnh. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức sự nghiệp trong điều phối, giao nhiệm vụ để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nhân lực chất lượng cao.

7.7. Trang bị kỹ năng số cho người lao động

Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn và trung hạn về kỹ năng số cho công nhân, nông dân và nhân viên các doanh nghiệp. Các chương trình đào tạo thực hành tại các cơ sở công nghiệp và doanh nghiệp giúp người lao động tiếp cận trực tiếp với công nghệ mới, nâng cao năng lực trong công việc.

8. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp tỉnh

8.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

Tổ chức rà soát, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ của các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể theo hướng đơn giản, minh bạch, kết hợp số hóa và tự động hóa từng bước. Phát triển các nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh (dân cư, cán bộ, đất đai, doanh nghiệp...), đảm bảo đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu 2 chiều giữa địa phương - trung ương.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích báo cáo, hỗ trợ ra quyết định cho cấp ủy, chính quyền; từng bước triển khai công nghệ dự báo trong quản lý điều hành.

Khuyến khích hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng số; ưu tiên sử dụng các nền tảng số đã được Bộ, ngành Trung ương công nhận, tiết kiệm chi phí đầu tư và vận hành.

8.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh, kết nối đến trung tâm xã, phường; tích hợp dữ liệu điều hành đa ngành (kinh tế, an ninh, môi trường, giao thông...).

Phát triển nền tảng số phục vụ các ngành thế mạnh của tỉnh: du lịch thông minh (Smart Tourism), nông nghiệp số vùng cao, logistics cửa khẩu, thương mại điện tử biên mậu, truy xuất nguồn gốc nông sản, giáo dục số tại vùng sâu.

Số hóa toàn bộ hồ sơ, tài liệu của cơ quan nhà nước; hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (Một cửa điện tử), tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, xác thực bằng chữ ký số cá nhân qua VNeID.

Triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể; kết nối với nhà cung cấp giải pháp qua các nền tảng số chung và hội chợ công nghệ địa phương. Khuyến khích doanh nghiệp Lào Cai tham gia chuỗi cung ứng số, bán hàng và xuất khẩu sản phẩm qua nền tảng số toàn cầu (Amazon, Alibaba, sàn TMĐT quốc gia...).

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm OCOP, dược liệu và khoáng sản của tỉnh; ứng dụng công nghệ IoT (Internet of Things), blockchain và truy xuất nguồn gốc trong nông nghiệp và chế biến.

8.3. Xây dựng chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận các giải pháp số. Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp với nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ và hội thảo công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ qua nền tảng số toàn cầu. Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực và áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp và chế biến. Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường và nâng cao hiệu quả marketing. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam. Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả về chuyển đổi số của tỉnh; Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực thư điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06), góp phần xây dựng chính quyền số, xã hội số, kinh tế số và công dân số.

9. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

9.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng, đồng thời bảo vệ dữ liệu cá nhân của công dân và tổ chức. Đảm bảo việc tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật quốc gia và quốc tế về bảo vệ thông tin, dữ liệu trong tất cả các hệ thống và nền tảng số.

9.2. Tăng cường an ninh mạng

Triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC), Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh tích hợp với hệ thống giám sát quốc gia. Xây dựng các giải pháp bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin theo mô hình phòng thủ nhiều lớp, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên. Phát triển hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ tấn công mạng; theo dõi, đánh giá nguy cơ rủi ro mạng thường xuyên.

Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố, sẵn sàng xử lý mọi tình huống tấn công mạng và các sự cố an ninh mạng phát sinh. Thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh; cử cán bộ tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu đội ngũ chuyên trách về an toàn thông tin mạng tại các sở, ngành, địa phương. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp.

Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và các thông tin quan trọng, bảo vệ sự riêng tư của công dân và bảo mật thông tin trong các giao dịch điện tử. Định kỳ kiểm tra, tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống tấn công mạng nhằm nâng cao năng lực phản ứng nhanh và hiệu quả đối với các sự cố mạng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm và ứng cứu sự cố an ninh mạng, đảm bảo hệ thống có khả năng nhận diện và ứng phó với các nguy cơ tiềm ẩn. Xây dựng kế hoạch chi tiết về ứng phó sự cố.

9.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, và xử lý sự cố an ninh mạng với các cơ quan Trung ương, bao gồm Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, và Ban Cơ yếu Chính phủ.

Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng các giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”, góp phần bảo vệ chủ quyền số và tăng cường năng lực tự chủ về công nghệ an ninh mạng trong nước.

Chủ động xây dựng và quảng bá thương hiệu số của tỉnh trên các nền tảng số quốc gia và quốc tế. Tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong môi trường số. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên trách của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ trong xử lý tấn công mạng, các hoạt động xâm phạm chủ quyền số.

10. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

10.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

Tăng cường hợp tác, liên kết vùng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tham gia các chương trình liên kết vùng Trung du và miền núi phía Bắc về nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong nông nghiệp, du lịch, giáo dục, y tế. Phối hợp tổ chức các sự kiện chung: hội thảo khoa học, hội chợ công nghệ, diễn đàn đổi mới sáng tạo liên vùng. Phát triển cơ chế chia sẻ cơ sở dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng công nghệ giữa các địa phương trong vùng.

Tăng cường liên kết và hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết. Cụ thể, sẽ chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng và nền tảng số dùng chung, cũng như phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị và đổi mới sáng tạo.

Tổ chức các hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học và công nghệ cấp vùng, nhằm thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến và chiến lược phát triển khoa học công nghệ. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, nhà khoa học và cộng đồng khởi nghiệp, tạo ra môi trường hợp tác đa chiều, thúc đẩy sáng tạo và phát triển bền vững.

Hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quản lý du lịch thông minh, công nghệ logistics và thương mại qua biên giới, cửa khẩu thông minh để xây dựng Lào Cai trở thành cửa ngõ quan trọng, một cực tăng trưởng và trung tâm kết nối giao thông và kinh tế của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc.

10.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu của tỉnh về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế; ký kết các thỏa thuận hợp tác; triển khai các dự án hợp tác cụ thể. Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào Lào Cai, đầu tư vào công nghệ số, công nghệ bán dẫn vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp của Lào Cai hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến Lào Cai làm việc, hợp tác.

10.3. Hợp tác trong khuôn khổ các khu thí điểm hợp tác quốc tế về kinh tế số và dữ liệu số

Chủ động tham gia các khu vực hợp tác quốc tế về kinh tế số và dữ liệu số như Khu thí điểm hợp tác Kinh tế số và Dữ liệu số Việt - Trung (Sông Hồng) với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Thí điểm các mô hình chia sẻ, kết nối dữ liệu qua biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đẩy mạnh hợp tác về tiêu chuẩn kỹ thuật, hạ tầng công nghệ và quản lý dữ liệu số trong khu vực biên giới.

11. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

11.1. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết

Xây dựng bộ chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để theo dõi, đánh giá định lượng và định tính tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết. Áp dụng công nghệ số để tự động hóa một phần quy trình thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ công tác giám sát, đánh giá. Giao Văn phòng Tỉnh ủy (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo) chủ trì xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, giám sát chung toàn tỉnh.

11.2. Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ

Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ (hàng quý, hàng năm) việc thực hiện Nghị quyết tại các sở, ban, ngành, địa phương. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và làm căn cứ để khen thưởng, nhắc nhở, xử lý trách nhiệm người đứng đầu nếu không hoàn thành nhiệm vụ. Lồng ghép nội dung kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết vào chương trình kiểm tra, giám sát của cấp ủy, UBND tỉnh và các tổ chức đoàn thể.

11.3. Tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết

Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ và báo cáo kết quả theo các kỳ tháng, quý, 6 tháng và 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh mục tiêu và giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý và sử dụng kinh phí, tạo cơ chế tự chủ cho các tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò và kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền về lợi ích của khoa học và công nghệ đối với đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận và sự tham gia của cộng đồng vào quá trình chuyển đổi số tại tỉnh.

12. Triển khai các nhiệm vụ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Tiếp tục theo dõi, chỉ đạo duy trì các kết quả đạt được của các nhiệm vụ đã hoàn thành trong giai đoạn cấp bách (đến ngày 30/6/2025). Đồng thời chủ động triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong giai đoạn đột phá (từ ngày 01/7/2025 đến 31/12/2025) theo tinh thần chỉ đạo tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương. (Chi tiết tại phụ lục III).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo

- Tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy: Trực tiếp chỉ đạo lãnh chỉ đạo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân các cấp, các ban đảng và các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nắm bắt tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời chỉ đạo xử lý các vấn đề trọng tâm, nổi cộm phát sinh trong quá trình triển khai. Chỉ đạo việc điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có biến động lớn; xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực này. Đồng thời, chỉ đạo các ban đảng phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong quá trình thực hiện Kế hoạch; trực tiếp chỉ đạo công tác khen thưởng, biểu dương các điển hình tiên tiến và xử lý các sai phạm nếu có, nhằm đảm bảo việc triển khai đạt hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh/thành; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp,... tích cực tham gia vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban tham mưu Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy: Thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045, trình Ban Chỉ đạo ban hành, phối hợp với Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo quy chế làm việc của các tỉnh ủy, thành ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực tỉnh/thành ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

4. Trách nhiệm của Đảng ủy UBND tỉnh

- Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch hành động: Căn cứ Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, các chiến lược phát triển của Ban Chỉ đạo, chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: Đề xuất/ban hành các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực tỉnh về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

5. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo Trung ương).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ,

hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

6. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, uỷ ban nhân dân, sở/ban/ngành, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực tỉnh ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm. Hằng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các ban đảng, uỷ ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn tỉnh; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cơ quan, đơn vị nghiêm túc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này với tinh thần chủ động, quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; bảo đảm đồng bộ giữa nhận thức và hành động, giữa cấp tỉnh và cấp cơ sở. Các nhiệm vụ, giải pháp phải được cụ thể hóa gắn với các chỉ tiêu định lượng, có lộ trình, nguồn lực bảo đảm và cơ chế giám sát chặt chẽ. Trong quá trình thực hiện, các cấp, ngành cần thường xuyên sơ kết, tổng kết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xã hội; phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo; phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu đề ra, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển nhanh, bền vững của tỉnh và đất nước./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các Ban xây dựng Đảng TW, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đồng chí thành viên BCD tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Phòng Cơ yếu - CNTT, VPTU,
- Chuyên viên tổng hợp, VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trịnh Xuân Trường

Phụ lục I

**MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy Lào Cai)

STT	Mục tiêu	2025	2030	2035	2040	2045	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
I	Phát triển hạ tầng						
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G (6G từ năm 2035)	≥ 40%	≥ 90%	50%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông cố định với tốc độ 01 Gbps/s	≥ 40%	≥ 80%				Sở Khoa học và Công nghệ
3	Có trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh	X	X	X	X	X	Công an tỉnh
II	Phát triển nguồn lực						
1	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho KHCN, đổi mới sáng tạo	1%	1,5%	2%	2,5%	3%	Sở Tài chính
2	Tỷ lệ chi nghiên cứu phát triển (R&D)/ GRDP	2%	3%	3%	3%	3%	Sở Tài chính
3	Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số	≥ 80%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ cán bộ công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	90%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	≥ 80%	90%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm giao thông	≥ 80%	90%	95%	97%	≥ 99%	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu hình thành "cụm chuyên gia"					X	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số					≥ 99%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	2025	2030	2035	2040	2045	Cơ quan theo
III	Phát triển khoa học công nghệ						
1	Số doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh	≥ 3	≥ 5	≥ 10	≥ 50	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Số tổ chức khoa học công nghệ trực thuộc tỉnh	≥ 2	≥ 2	≥ 2	≥ 2	≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Số công trình KHCN cấp tỉnh được nghiệm thu hàng năm	≥10	≥12	≥20	≥25	≥40	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Số cán bộ nghiên cứu KHCN toàn tỉnh	≥200	≥300	≥600	≥1000	≥1500	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Số nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh được triển khai hàng năm	≥25	≥25	≥30	≥35	≥50	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) hàng năm	≥10	≥10	≥10	≥30	≥20	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ kết quả KHCN được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	≥40%	≥50%	≥60%	≥60%	≥70%	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Mỗi năm có bài báo KH có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI hoặc tạp chí trong danh mục công nhận bởi hội đồng chức danh giáo sư)	≥10	≥10	≥15	≥20	≥50	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Số công trình đạt giải KHCN quốc gia/khu vực hàng năm	≥1	≥3	≥5	≥5	≥10	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Ứng dụng AI, IOT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng người dân.	X	X	X	X	X	Sở Xây dựng
11	Số trung tâm nghiên cứu phát triển trọng điểm ở tỉnh thu hút nhà khoa học doanh nghiệp đầu tư				≥1	≥1	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Số trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc ĐMST của địa phương đạt uy tín trong nước kết nối quốc tế				≥1	≥1	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Doanh nghiệp khoa học công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi / Doanh nghiệp khoa học công nghệ				≥10%	≥10%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	2025	2030	2035	2040	2045	Cơ quan theo
14	Tỉnh có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu					X	Sở Khoa học và Công nghệ
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo						
1	Số Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥30	≥50	≥100	≥200	≥300	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Số Dự án khởi nghiệp sáng tạo				≥10	≥30	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Số Vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo	≥3	≥5	≥10	≥15	≥20	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	≥15%	≥30%	≥40%	≥60%	≥80%	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Số sản phẩm ĐMST được thương mại hóa hàng năm	≥10	≥20	≥50	≥100	≥200	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số dự án ĐMST được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hàng năm	≥10	≥15	≥30	≥50	≥100	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh hàng năm		≥5	≥10	≥20	≥50	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Số bài báo KH ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo hàng năm	≥25	≥50	≥100	≥200	≥300	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường	≥2%	≥25%	≥30%	≥40%	>50%	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận hàng năm	≥30	≥50	≥70	≥100	≥150	Sở Khoa học và Công nghệ
V	Phát triển chuyển đổi số						
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0.6	≥ 0.7	≥ 0.8	≥ 0.9	≥1	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	≥70%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Mục tiêu	2025	2030	2035	2040	2045	Cơ quan theo
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "Phi tiếp xúc"	≥70%	90%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	≥70%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	≥80%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	≥70%	≥70%	≥70%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	≥40%	≥70%	≥90%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với trung ương	≥50%	≥80%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp liên thông dữ liệu cấp tỉnh. (LGSP)	≥60%	≥80%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	≥30%	≥50%	≥80%	≥80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ lệ Người dân có tài khoản định danh điện tử VNeID	≥70%	≥90%	≥95%	100%	100%	Công an tỉnh
13	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	≥10%	≥10%	≥20%	30%	40%	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Các cơ quan đảng trong toàn tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án chuyển đổi số		100%	100%	100%	100%	Văn phòng Tỉnh ủy
15	Xây dựng trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò như "Bộ não số" của địa phương giúp tổ chức đảng các cơ quan quản lý điều hành mọi lĩnh vực			X	X	X	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	2025	2030	2035	2040	2045	Cơ quan theo
17	Đẩy mạnh ứng dụng TMĐT, quy mô kinh tế số (GRDP)	≥10%	20%	30%	35%	40%	Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, NĂM 2025-2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01 -KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai)

I. Nhóm nhiệm vụ về lãnh đạo, chỉ đạo

1. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Tỉnh ủy.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

2. Thành lập Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo là Văn phòng Tỉnh ủy; Nâng cấp Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh ủy thành phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

3. Thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian hoàn thành: Hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

II. Nhóm nhiệm vụ về cơ chế chính sách Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh để tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo ra môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng cơ chế thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực y tế, giáo dục; chính sách đối với học sinh giỏi; chính sách thu hút, tuyển dụng nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan của hệ thống chính trị; chính sách đối với trí thức trẻ tham gia công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại tỉnh (nhà ở, lương, môi trường nghiên cứu...)

4. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Lào Cai. Đồng thời, thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, điều chỉnh hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách khi Trung ương có hướng dẫn và quy định mới.

III. Nhóm nhiệm vụ về nâng cao nhận thức và tuyên truyền

1. Xây dựng Kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan bảo đảm đa dạng hình thức quán triệt.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.

- Thời gian: Hoàn thành trong Quý III năm 2025.

2. Xây dựng tài liệu tuyên truyền, học tập, nghiên cứu Nghị quyết số 57-NQ/TW; trong đó nêu bật, làm rõ những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi, các định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm mới trong Nghị quyết, phục vụ công tác nghiên cứu lý luận và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong Trường Chính trị, các trung tâm bồi dưỡng chính trị trên địa bàn tỉnh và tuyên truyền, phổ biến để thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

3. Xây dựng các chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và thường xuyên phản ánh thông tin, tuyên truyền, tôn vinh những cá nhân tiêu biểu, điển hình trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan báo chí địa phương, mạng xã hội và hệ thống thông tin truyền thông của tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

5. Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh về thực hiện Chương trình đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian: Hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

IV. Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

2. Xây dựng các Chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông theo đuổi các ngành khoa học, kỹ thuật để chủ động, chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

3. Xây dựng Chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Xây dựng Chương trình, kế hoạch hợp tác với Bộ, ngành, các tập đoàn lớn về chuyển đổi số, các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2026.

V. Nhóm nhiệm vụ về bố trí vốn đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hướng tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Huy động các nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển hạ tầng số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư cho hạ tầng số và các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

VI. Nhóm nhiệm vụ về đầu tư, hoàn thiện hạ tầng

1. Xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại, an toàn và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Hình thành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu lớn (big data) để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

3. Xây dựng và vận hành các đô thị thông minh tại các trung tâm kinh tế, hành chính của tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tại tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

5. Tăng cường hiệu quả quản lý và khai thác tối đa nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

VII. Nhóm các nhiệm vụ phục vụ thúc đẩy phát triển mạnh mẽ xã hội số, phát triển văn hoá số tích cực, lành mạnh, giữ gìn bản sắc dân tộc và bảo đảm an toàn, an ninh mạng

1. Đầu tư phát triển hạ tầng số, kết nối, liên thông, tích hợp các hệ thống nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu của tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số giúp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

3. Thực hiện và xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

4. Xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

5. Vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

6. Xây dựng Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2026.

VIII. Nhóm các nhiệm vụ phục vụ cho đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

1. Xây dựng Đề án/kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng giai đoạn 2025 - 2028.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Tỉnh ủy.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2026.

2. Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý hành chính, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh. Phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung, phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

3. Triển khai, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp, tài nguyên, y tế, giao thông, giáo dục...)

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Ban hành Kế hoạch thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

5. Ban hành Kế hoạch thực hiện các sáng kiến đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn tỉnh Lào Cai

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh.
- Thời gian: Hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

IX. Nhóm nhiệm vụ phục vụ hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

Phụ lục III

**NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 02-KH/BCĐTW NGÀY 19/6/2025
CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy Lào Cai)

TT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
Thứ nhất: Về thể chế				
1	Phối hợp và tham gia đóng góp ý kiến đối với Bộ Công an để rà soát, nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.	Trong tháng 8/2025	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan.
2	Phối hợp, tham gia đóng góp ý kiến đối với Bộ Khoa học và Công nghệ để xây dựng, ban hành Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số theo nhiệm vụ được giao cho Chính phủ tại Luật Giao dịch điện tử 2023. Bảo đảm tính kết nối, đồng bộ, liên thông giữa các khối cơ quan và phù hợp với mô hình chính quyền từ Trung ương đến cấp xã	Trong tháng 8/2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan
3	Phối hợp, tham gia đóng góp ý kiến đối với Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg, ngày 05/4/2023 để thống nhất mô hình quản lý, đầu tư Mạng truyền số liệu chuyên dùng tập trung từ Trung ương đến xã	Trong tháng 8/2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan
Thứ hai: Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ				
4	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ liên quan khẩn	Trong tháng 11/2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở

TT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	trương xoá các điểm lỗm sóng, thiếu điện để các thôn, bản có điều kiện tiếp cận chuyển đổi số.		Công nghệ	Công Thương và các cơ quan, địa phương
5	Phối hợp và tham gia đóng góp ý kiến đối với Bộ Công an xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án triển khai và lộ trình tích hợp các hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, giao thông công cộng về các Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh (IOC) và kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở nguyên tắc kế thừa, cùng khai thác, chia sẻ trên một nền tảng thống nhất	Trong tháng 7/2025	Công an tỉnh	Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
	Thứ ba: Về dữ liệu			
6	Phối hợp với Bộ Công an bảo đảm tiến độ đưa vào khai thác sử dụng của Trung tâm Dữ liệu quốc gia, đồng bộ tiến độ giữa hạ tầng vật lý quan trọng này với nền tảng hệ thống Công Dịch vụ công Quốc gia.		Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
7	Đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành về CSDL tổng hợp quốc gia để cắt giảm thủ tục hành chính, tối ưu hoá quy trình, giải quyết thủ tục hành chính theo mức độ tăng trưởng của dữ liệu bảo đảm người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nghiên cứu cơ chế cho phép các doanh nghiệp triển khai, đảm nhận các dịch vụ công của cơ quan nhà	Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	

TT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	nước.			
8	Hoàn thành rà soát, cấu trúc lại các thủ tục hành chính chuyển từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử	Trước ngày 20/12/2025	Văn phòng UBND tỉnh	
Thứ tư: Về các nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hoạt động trong các cơ quan hệ thống chính trị				
9	Tiếp tục đẩy mạnh số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính	Thường xuyên	Các sở, ngành, địa phương	
10	Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp	Thường xuyên	Các sở, ngành, địa phương	
Thứ năm: Về nhân lực cho chuyển đổi số				
11	Rà soát, đánh giá lại thực trạng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Nội Vụ	Trong tháng 8/2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương
Thứ sáu: Về nguồn lực tài chính				
12	Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho cán bộ, công chức, viên chức	Thường xuyên trong 6 tháng cuối năm 2025	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp công nghệ
Thứ bảy: Về chuyển đổi số trong khối các cơ quan HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, ngành toà án, ngành kiểm sát				
13	Rà soát, nghiên cứu tham mưu, đề xuất trung ương xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ quản lý đoàn viên, hội viên và tổ chức cơ	Thường xuyên	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức	

TT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	sở; công tác giám sát, phản biện xã hội và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân..		chính trị - xã hội.	
Thứ tám: Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo mật				
14	Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, ứng dụng triển khai tại tỉnh	Thường xuyên	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương
15	Sẵn sàng có phương án dự phòng, kịch bản ứng phó khi hệ thống bị lỗi, bị tấn công, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn, an toàn.	Thường xuyên	Các cơ quan chủ trì quản lý, vận hành các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh	